

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 14-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê Đăng Phương;
Ông Phan Ngọc Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; trụ sở chính: Số 198 K, Phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ; địa chỉ: Số 20L, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền số 575/UQ-VCB-PC ngày 01/12/2022) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P; trụ sở chính: Khu tái định cư khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hồ Hoàng P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 1058Đ, khóm 4, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim H: Bà Hồ Hoàng P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 1058Đ, khóm 4, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023) (có mặt).

2. Ông Huỳnh Bá K, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 25/4T, khóm 7, phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N (gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng – Chi nhánh Đ, tỉnh An Giang và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P (gọi tắt là Công ty P) do bà Nguyễn Thị Kim H là Giám đốc có ký kết Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 48 ngày 12/6/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 02/02/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 05/6/2018. Theo hợp đồng, các bên thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 15.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư xây dựng khách sạn;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;
- Lãi suất cho vay: Hai năm đầu cố định 9,4%/năm tính từ thời điểm giải ngân; trường hợp giải ngân nhiều lần: Khoản giải ngân trong tháng nào sẽ áp dụng theo mức cố định lãi suất của tháng đó. Các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 24 tháng trả sau đối với khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng cộng (+) 3,5% nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó.
- Dư nợ gốc hiện tại là: 10.247.500.000đ.

Ngày 26/6/2021 đến hạn phải trả lãi cho Ngân hàng nhưng Công ty P chưa thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng – Chi nhánh Đ nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 48 ngày 12/6/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 02/02/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 05/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty P. Khoản nợ của Công ty P đã chuyển nợ nhóm 2 từ ngày 14/7/2021.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng, Công ty P có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 283 ngày 05/6/2018 được ký kết giữa bên thế chấp là Công ty P với bên nhận thế chấp là Ngân hàng – Chi nhánh Đ.

Tài sản thế chấp là khách sạn P, diện tích xây dựng 276,1m², diện tích sàn 2.795,5m², cấp công trình loại 1 (theo QĐ 30), thời hạn sở hữu 18/01/2068, địa chỉ khách sạn: Đường N, phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSDĐ) số CE 1607..., số vào sổ CT161.. ngày 28/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Công ty P (sở hữu tài sản trên thửa đất thuê thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H, thửa đất số 251, tờ bản đồ số 30 theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 18/01/2018).

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 275 ngày 12/6/2017 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K với bên nhận thế chấp là Ngân hàng – Chi nhánh Đ.

Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.148,1m² đất (trong đó: Đất ở tại nông thôn diện tích 600m², đất trồng cây lâu năm diện tích 554,5m², đất ở nông thôn (HLGT) diện tích 3,6m²), thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện An Phú, tỉnh An Giang, theo GCN QSDĐ số BB 6090..., số vào sổ CH003.. ngày 08/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 895,8m² (trong đó: Đất ở tại nông thôn diện tích 600m², đất trồng cây lâu năm diện tích 288,5m², đất ở nông thôn (HLGT) diện tích 7,3m²), thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện An Phú, tỉnh An Giang, theo GCN QSDĐ số BB 6090..., số vào sổ CH002.. ngày 08/6/2010 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 583,9m², đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, theo GCN QSDĐ số CB 6743..., số vào sổ CH059.. ngày 07/3/2016 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 557m², đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: Thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, theo GCN QSDĐ số CB 6743..., số vào sổ CH059.. ngày 07/3/2016 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 378,2m², đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 251, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất: Phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang, theo GCN QSDĐ số BY 1049..., số vào sổ CH072.. ngày 27/11/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H.

Tính đến hết ngày 31/10/2021, tổng dư nợ của Công ty P tại Ngân hàng – Chi nhánh Đ là 10.636.432.504 đồng, trong đó: nợ gốc là 10.247.500.000 đồng, nợ lãi là 388.932.504 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty P, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu Công ty P, ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ vay (tạm tính đến hết ngày 31/10/2021) là 10.636.432.504 đồng, trong đó: nợ gốc là 10.247.500.000 đồng, nợ lãi là 388.932.504 đồng.

2. Yêu cầu Công ty P, ông Huỳnh Bá K và bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 48 ngày 12/6/2017 kể từ ngày 01/11/2021 cho đến khi trả hết nợ.

3. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 283 ngày 05/6/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 275 ngày 12/6/2017 để bảo đảm cho việc thi hành án.

Bị đơn Công ty P do người đại diện theo pháp luật trình bày:

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến hết ngày 31/10/2021) là 10.636.432.504 đồng. Đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi. Tuy nhiên, bị đơn yêu cầu được giảm lãi và gia hạn thời hạn trả nợ là 01 năm.

Thông nhất với các tài sản thế chấp như Ngân hàng trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Bá K trình bày: Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến hết ngày 31/10/2021) là 10.636.432.504 đồng. Đồng ý cùng bà H trả cho Ngân hàng số tiền trên. Tuy nhiên, ông K yêu cầu được giảm lãi và gia hạn thời hạn trả nợ là 01 năm.

Thông nhất với các tài sản thế chấp như Ngân hàng trình bày.

- Bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Thông nhất với lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2023), Công ty P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 12.527.805.451 đồng (trong đó: Nợ gốc là 10.247.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.089.989.684 đồng; nợ lãi quá hạn là 190.315.767 đồng). Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty P trả cho Ngân hàng tổng số tiền 12.527.805.451 đồng (trong đó: Nợ gốc là 10.247.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.089.989.684 đồng; nợ lãi quá hạn là 190.315.767 đồng); các yêu cầu khác theo đơn khởi kiện giữ nguyên.

- Bị đơn Công ty P do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất số nợ vốn và lãi theo khởi kiện của Ngân hàng và tính đến ngày 14/7/2023 nợ là 12.527.805.451 đồng (trong đó: Nợ gốc là 10.247.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.089.989.684 đồng; nợ lãi quá hạn là 190.315.767 đồng). Công ty P xin Ngân hàng giảm lãi suất và gia hạn thời hạn trả nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim H do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của Công ty P và tự nguyện có nghĩa vụ cùng Công ty P trả nợ vốn, lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho đến khi trả dứt nợ.

Ông Huỳnh Bá K trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của Công ty P và tự nguyện có nghĩa vụ cùng Công ty P trả nợ vốn, lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng cho đến khi trả dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Công ty P trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2023) là 12.527.624.776 đồng (trong đó: Nợ gốc là 10.247.500.000 đồng, nợ lãi là 2.280.124.776 đồng). Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 283/2018/VCB.CĐ ngày 05/6/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 275/2017/VCB.CĐ ngày 12/6/2017 để bảo đảm cho việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-TA về việc rút vụ án theo đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 48 ngày 12/6/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 02/02/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 05/6/2018 giữa Ngân hàng – Chi nhánh Đ, tỉnh An Giang và Công ty P do bà Nguyễn Thị Kim H là Giám đốc. Theo hợp đồng, các bên thỏa thuận như sau: Số tiền vay: 15.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư xây dựng khách sạn; thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; lãi suất cho vay: Hai năm đầu cố định 9,4%/năm tính từ thời điểm giải ngân; trường hợp giải ngân nhiều lần: khoản giải ngân trong tháng nào sẽ áp dụng theo mức cố định lãi suất của tháng đó. Các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động tiết K VNĐ 24 tháng trả sau đối với khách hàng doanh nghiệp của VCB cộng (+) 3,5% nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó và thống nhất tài sản thế chấp như đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm hợp đồng đã ký kết, nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Tính đến ngày 14/7/2023, Công ty P còn nợ Ngân hàng tổng vốn và lãi là 12.527.805.451 đồng.

Tại phiên tòa phía bị đơn cho rằng do kinh doanh thất bại, không kinh doanh được trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 nên không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Thống nhất số nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2023) vốn và lãi là 12.527.805.451 đồng, nay xin Ngân hàng cho trả dần số nợ trong thời hạn 01 năm và xin giảm lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K thống nhất tự nguyện có nghĩa vụ cùng Công ty P trả nợ vốn, lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho đến khi trả dứt nợ.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty P (do bà H đại diện theo pháp luật) đã vi phạm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng, nhiều lần hứa hẹn trả nợ nhưng không thực hiện, cho thấy phía bị đơn không có thiện chí trả nợ. Do đó, việc bị đơn yêu cầu được trả dần nợ và xin giảm lãi nhưng phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu được trả dần nợ và xin giảm lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa, phía nguyên đơn cho rằng nếu phía bị đơn có thiện chí, tích cực trả nợ trong thời gian ngắn thì Ngân hàng sẽ xem xét ý kiến của bị đơn trong giai đoạn thi hành án.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty P phải chịu chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng, do đó, Công ty P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 120.527.805 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K cùng có nghĩa vụ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P trả nợ vốn, lãi và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N cho đến khi trả dứt nợ.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2023) là 12.527.805.451 đồng (mười hai tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm năm mươi một đồng) (trong đó: Nợ gốc là 10.247.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.089.989.684 đồng; nợ lãi quá hạn là 190.315.767 đồng).

Kể từ ngày 15/7/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 48 ngày 12/6/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 02/02/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 05/6/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 283 ngày 05/6/2018 được ký kết giữa bên thế chấp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần N và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 275 ngày 12/6/2017 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Bá K với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

2. Về chi phí tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 120.527.805 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm lẻ năm đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại 59.318.500 đồng (năm mươi chín triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp theo Biên lai thu số 0001875 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP Châu Đốc;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Tòa Kinh tế;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lưu Hữu Giàu